

Bản án số: 42/2023/DS-PT

Ngày: 09-01-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức

Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong hai ngày 15 tháng 12 năm 2022 và 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng nghị, kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5292/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hà H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 103 đường B, phường P, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1977, địa chỉ: 401B đường H, Phường M1, Quận S, Thành phố H (giấy ủy quyền số 003510 ngày 26/3/2022) – Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phan Duy Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 183B/26B đường T, Phường B1, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1955, địa chỉ: số 209/13/2^E đường T, Phường B, Quận B, Thành phố H (giấy ủy quyền số 007934 ngày 15/9/2020) – Có mặt.

Bà Phan Nguyễn Duy Ng, sinh năm 1988, địa chỉ: 368/77/10 đường Đ,

Phường B1, Quận B, Thành phố H (giấy ủy quyền số 008461 ngày 25/11/2022) – Có mặt.

- Bà Mai Thị X, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 183B/26B đường T, Phường B1, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1955, địa chỉ: số 209/13/2^E đường T, Phường B, Quận B, Thành phố H (giấy ủy quyền ngày 16/8/2022) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hà H trình bày:

Ngày 08/02/2010 bà có cho vợ chồng ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X mượn số tiền 15.000 USD, ngày 07/04/2010 bà có cho vợ chồng ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, tổng số tiền 02 lần mượn tạm tính là 1.346.500.000 đồng. Ông Th và bà X hứa sẽ trả cho bà ngay sau khi xong việc trong thời gian ngắn.

Vợ chồng ông Th và bà X có đưa cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 478489 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Phan Duy Th ngày 02/02/2005 để làm tin. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Th và bà X trả nợ, nhưng ông Th và bà X trốn tránh không trả. Ngày 09/06/2020 bà có văn bản cuối cùng yêu cầu ông Th và bà X trả gấp số tiền đã mượn nói trên, nhưng ông Th và bà X vẫn không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Th và bà X trả lại cho bà số tiền gốc đã mượn là 1.346.500.000 đồng.

Ngày 10/01/2022 bà H làm đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Th và bà X chưa trả cho bà với lãi suất 10%/năm, cụ thể thời gian như sau:

Từ ngày 08/01/2010 đến ngày 08/01/2022, số tiền 15.000 USD (tương đương 346.500.000 đồng) lãi suất 10%/năm x 12 năm là 415.800.000 đồng.

Từ ngày 07/04/2010 đến ngày 07/01/2022, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm x 11 năm 09 tháng là 1.175.000.000 đồng. Như vậy, lãi tạm tính của 02 khoản tính đến ngày 08/01/2022 là 1.590.800.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/12/2021, ngày 11/03/2022 và ngày 25/05/2022 bà vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

Ngày 30/05/2022, bà làm đơn xin rút, sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện có nội dung: Bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000 USD (tương đương 346.500.000 đồng) theo giấy mượn tiền ngày 08/02/2010 và lãi suất đối với số tiền mượn này để bà khởi kiện trong một vụ án khác (nếu cần). Bà giữ yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.000.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 07/04/2010 và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày ngày 07/04/2010 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Hà H, ông Trần Quốc B yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X phải trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/04/2010 và lãi suất tính từ ngày 22/04/2010 đến ngày 22/07/2022 là 12 năm 07 tháng với lãi suất 10%/năm là 1.258.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X phải trả cho bà Phạm Thị Hà H là 2.258.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng + 1.258.000.000 đồng). Trả 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Duy Th có ông Nguyễn Xuân H1 đại diện trình bày:

Đối với khoản tiền 15.000USD, theo giấy mượn tiền ngày 08/02/2010 ông Phan Duy Th xác nhận có và đã trả lại cho bà Phạm Thị Hà H. Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000 USD.

Đối với khoản tiền 1.000.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 07/04/2010 ông Th xác nhận có và cùng vợ ký tên trên giấy mượn tiền. Tuy nhiên, ngày 14/04/2010 ông Th đưa 1.050.000.000 đồng đến nhà bà Phạm Thị Hà H để trả, nhưng bà H yêu cầu ông Th nộp vào tài khoản của bà H tại Ngân hàng E. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Mai Thị X trình bày:

Bà không biết khoản vay 1.346.500.000 đồng. Việc ông Phan Duy Th vay mượn tiền của bà H bà không biết. Việc vay mượn này hoàn toàn không sử dụng cho mục đích chung của gia đình, bà chưa bao giờ đọc hoặc ký tên trên tờ giấy vay mượn tiền. Bà không đồng ý cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà H cùng với ông Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Hà H theo đơn xin rút, sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 30/05/2022: *“Nay bằng đơn này, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 15.000 đô la Mỹ tương đương 346.500.000 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn) đồng theo giấy vay tiền ngày 08/02/2010 và lãi suất đối với số tiền vay này để tôi khởi kiện trong một vụ án khác (nếu cần)”*.

2. Buộc ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Cụ thể, ông Phan Duy Th phải trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, bà Mai Thị X phải trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Th và bà X có

nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Th và bà X trả lãi đối với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2022 ông Th và bà X kháng cáo cho rằng ngày 14/4/2010 ông Th đã trả tiền cho bà H tại Ngân hàng E nên không đồng ý trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H1 và bà Ng đại diện cho ông Th trình bày: Ngày 14/4/2010 ông Th đã trả cho bà H 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng E nên ông Th và bà X không đồng ý trả tiền cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th và bà X, bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông Th và bà X trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Ông Trần Quốc B đại diện cho bà H trình bày: Ông Th và bà X thừa nhận có mượn tiền của bà H nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh đã trả tiền cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th và bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: buộc ông Th và bà X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng; tuyên bổ sung trong phần quyết định không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Th và bà X trả lãi với số tiền 1.258.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ giấy mượn tài sản ngày 07/04/2010. Biên bản lấy lời khai ông Phan Duy Th ngày 01/09/2020, ông Phan Duy Th có thừa nhận “Đối với khoản tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/04/2010 ông xác nhận có và cùng vợ ký tên trên giấy mượn tiền”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Xuân H đại diện cho ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X cho rằng ngày 14/4/2010 ông Phan Duy Th đã trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng E - Chi nhánh S (nay là Chi nhánh Thành phố H).

Tuy nhiên, theo Công văn số 2058/2022/EIBHCM/P.DVKH ngày 22/12/2022 của Ngân hàng E - Chi nhánh Thành phố H: Từ ngày 14/4/2010 đến ngày 29/4/2010 không có phát sinh giao dịch ông Phan Duy Th nộp số

tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà Phạm Thị Hà H tại Ngân hàng E - Chi nhánh Thành phố H, cũng như nộp tiền mặt số tiền 1.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Hà H tại Ngân hàng khác. Từ ngày 14/4/2010 đến ngày 29/4/2010 bà Phạm Thị Hà H không có phát sinh giao dịch nộp tiền mặt số tiền 1.000.000.000 đồng đến một tài khoản thứ ba tại Ngân hàng E - Chi nhánh Thành phố H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xác định ông Phan Duy Th đã trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

[2] Theo Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại THÀNH PHỐ H số 2308/C09B ngày 01/07/2021, có nội dung *“Chữ ký đứng tên Mai Thị X dưới mục “người vợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Mai Thị X trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký ra”*. Ông Phan Duy Th cũng thừa nhận *“Đối với khoản tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/04/2010 ông xác nhận có và cùng vợ ký tên trên giấy mượn tiền”*. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định bà Mai Thị X có ký tên trên giấy mượn tiền ngày 07/04/2010.

[3] Tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng *“Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập thì vợ chồng đều phải chịu trách nhiệm”*.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Th và bà Mai Thị X có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Phan Duy Th phải trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng là đúng. nhưng trong phần quyết định tuyên buộc ông Phan Duy Th có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 500.000.000 đồng và bà Mai Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 500.000.000 đồng là chưa chính xác. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Hà H về việc yêu cầu ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X trả tiền lãi tính từ ngày 07/04/2010 đến ngày 22/07/2022 là 12 năm 07 tháng với lãi suất 10%/năm là 1.258.000.000 đồng, nhưng không tuyên trong phần quyết định không tuyên phần quyết định là thiếu sót, cần bổ sung.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th và bà X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tuyên buộc ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuyên bổ sung không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Th và bà X trả lãi đối với số tiền 1.000.000.000 đồng.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Phạm Thị Hà H, ông Phan Duy Th là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí, bà Mai Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 512, Điều 517 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X, sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Phạm Thị Hà H về việc yêu cầu ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X trả số tiền 15.000 USD (tương đương 346.500.000 đồng) theo giấy vay tiền ngày 08/02/2010 và lãi suất đôi với số tiền này.

2. Buộc ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Hà H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Hà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Hà H về việc yêu cầu bị ông Phan Duy Th và bà Mai Thị X số tiền lãi là 1.258.000.000 đồng.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Hà H và ông Phan Duy Th là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Mai Thị X phải nộp 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2021/009091 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H, bà X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Quận B;
- Cục THADS TP.H;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Uông Văn Tuấn